

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS - ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2018
“*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy Lợi
2. Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên toà: Ông Nay Lu Vinh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2018/TLST - DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 về “***Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 84/2018/QĐST - DS ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1958

Địa chỉ: 145 LD, phường PD, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1971

Địa chỉ: 215 W, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2018, bản tự khai ngày 22/8/2018, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên toà nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày:

Ngày 15/02/2017 anh Nguyễn Xuân K có đến nhà và mượn bà số tiền là 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng để giải chấp ngân hàng, cam kết trong vòng 05 ngày sẽ trả đủ số tiền trên nhưng đến hạn anh K không thực hiện theo thỏa thuận. Mặc dù bà đã đòi nhiều lần, đồng thời tạo cho anh K nhiều hướng để trả nợ nhưng anh K vẫn chây lỳ, viện đủ mọi lý do

không thanh toán. Mãi cho tới từ tháng 4 đến tháng 7/2017, anh Nguyễn Xuân K trả dần cho bà được 125.000.000 (Một trăm hai mươi lăm) triệu, số nợ còn lại là 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng anh lại tiếp tục hẹn bán nhà sẽ trả dứt điểm, nhưng đến nay anh K đã bán nhà nhưng vẫn không giải quyết trả nợ cho bà. Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết buộc anh Nguyễn Xuân K phải thanh toán cho bà số tiền là 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Tuy nhiên sau đó anh K đã trả dần cho bà được tổng cộng 7.400.000 đồng nữa nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Xuân K thanh toán cho bà số tiền 167.600.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Xuân K vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 19/10/2018 và các tài liệu có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Xuân K có ý kiến như sau:

Ngày 15/02/2017 anh có vay của bà Võ Thị H 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng để đáo hạn ngân hàng đối với khoản vay tín chấp. Sau khi nộp tiền, chế độ cho vay tín chấp đối với cán bộ nhân viên không còn áp dụng nên anh không vay lại được để trả cho bà H. Khi không trả đúng hạn, bà H tính lãi theo lãi suất tiền ngày: 2.000 đồng/1 triệu/ngày và anh đã trả tiền lãi cho bà H, mỗi ngày 600.000 đồng. Trả đến 06 tháng sau, bà H yêu cầu anh trả tiền gốc mỗi ngày 3.000.000 đồng và không tính tiền lãi nữa. Anh đã chạy vay đủ các nơi để đóng tiền gốc và đã trả dứt điểm 300.000.000 đồng tiền gốc cho bà H. Tuy nhiên sau đó số tiền còn lại tính từ thời điểm bắt đầu trả tiền gốc (3-5 triệu đồng) bà H ghi sổ buộc anh phải trả tiền lãi vì khoản tiền này bà phải thế chấp tài sản cho người khác để lấy tiền cho anh vay. Mặc dù anh đã xin nhiều lần không trả tiền lãi nữa nhưng bà H không đồng ý. Sau đó bà thỏa thuận cho anh trả dần hàng tháng với số tiền lãi lên đến 132.500.000 đồng. Do mất khả năng thanh toán anh chỉ trả cho bà H 02 lần (1 lần 2 triệu đồng, 1 lần 5 triệu đồng) và sau đó không trả nổi nữa. Đến tháng 3/2018 (anh không nhớ ngày cụ thể) bà H gọi anh đến nhà viết cho bà giấy nhận nợ với số tiền 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng trong đó số tiền lãi là 127.500.000 đồng (Trừ 5 triệu tôi đã trả) mà anh còn nợ bà H và hót 02 chân hụi, 1 chân, mỗi tháng đóng 10 triệu, 1 chân mỗi tháng đóng 5 triệu. Anh không có khả năng nào khác nên đành chấp nhận hình thức trả nợ này. Anh sợ sau này bà H yêu cầu anh trả lãi nữa nên tôi ghi thẳng vào giấy nhận nợ đây là tiền lãi và tiền hụi nhưng bà H yêu cầu anh chỉ được ghi nợ tiền chứ không được ghi tiền hụi hay tiền lãi. Anh không đồng ý và hai bên có tranh luận lớn tiếng nhưng do gia đình bà H gây áp lực và buộc anh phải ghi giấy nhận nợ 175.000.000 đồng kia là tiền gốc.

Do điều kiện kinh tế khó khăn, anh thỏa thuận với bà H sẽ đóng theo hình thức hụi, mỗi tháng 15.000.000 đồng (Đây là hình thức ghi và trả nợ theo yêu cầu của bà H). Thực tế anh đã trả nợ mỗi tháng 15.000.000 đồng từ trước đó rất lâu (Anh không nhớ rõ tháng nào) và mỗi lần trả anh có ghi vào sổ của bà H và cả sổ tay của anh. Sau đó tình hình tài chính không cải thiện nên anh không trả được tiền cho bà H. Bà H đến quán cà phê nơi anh kinh doanh gây sức ép buộc anh trả nợ nhiều lần. Anh không thể chịu đựng thêm nữa nên hai bên có xảy ra xô xát. Sau đó bà H làm đơn khởi kiện.

Sau khi được Tòa án thông báo có đơn thư khiếu kiện của bà H. Anh đến Tòa án làm việc theo nội dung yêu cầu của Tòa án: cung cấp nội dung, chứng cứ...thì anh phát hiện sổ tay ghi trả nợ cho bà H đã không còn. Vì vậy anh không biết cụ thể là đã trả cho bà H được bao nhiêu. Trong điều kiện của anh hiện nay không có việc làm, không có tài sản, tình hình kinh doanh rất khó khăn. Số tiền còn nợ của bà H anh xin trả dần mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Do anh Nguyễn Xuân K vi phạm thời hạn trả nợ cuối cùng là tháng 6/2018 dương lịch theo Giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 nên đến ngày 16/8/2018 bà Võ Thị H đã phát sinh quyền khởi kiện.

Tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Ngày 19/10/2018 bà Võ Thị H và anh Nguyễn Xuân K đã hòa giải thành toàn bộ nội dung vụ án, ngày 22/10/2018 bà Võ Thị H có Đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận nên Tòa án nhân dân thành phố P đã đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân thành phố P đã tiến hành triệu tập họp lệ anh Nguyễn Xuân K tham gia phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không có lý do vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân K.

Trong đơn khởi kiện, bà Võ Thị H yêu cầu anh Nguyễn Xuân K thanh toán số nợ 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng. Tại phiên tòa bà Võ Thị H thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Nguyễn Xuân K trả cho bà 167.600.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Giấy mượn tiền ngày 15/02/2017 thể hiện anh Nguyễn Xuân K vay của bà Võ Thị H 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, hạn trả nợ là 20/02/2017, bên dưới mục “Người mượn tiền” có chữ ký và ghi tên Nguyễn Xuân K và Giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 anh Nguyễn Xuân K xác nhận đến ngày 16/10/2017 còn nợ lại bà Võ Thị H 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng, hạn trả nợ là tháng 6/2018, bên dưới mục “Người viết” có chữ ký và ghi tên Nguyễn Xuân K. Anh K thừa nhận 02 văn bản Giấy mượn tiền và Giấy nhận nợ đều do anh viết và ký nhận vào cuối văn bản.

Bà Võ Thị H và anh Nguyễn Xuân K thống nhất xuất phát từ khoản vay 300.000.000 đồng sau đó hai bên đối chiếu chốt lại khoản nợ là 175.000.000 đồng, số tiền 175.000.000 đồng được ghi trong giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 là phần nợ còn lại từ khoản vay 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 15/02/2017 chứ không phải là hai khoản tiền nợ riêng biệt. Trong giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 thể hiện rõ “*Đây là số tiền nợ cuối cùng của tôi với cô H. Các giấy tờ trước đó không còn hiệu lực*” do đó từ thời điểm lập giấy nhận

nợ ngày 16/10/2017 thì Giấy mượn tiền ngày 15/02/2017 không còn hiệu lực pháp luật theo thỏa thuận của các bên.

Từ thời điểm vay ngày 15/02/2017 đến ngày 16/10/2017, anh Nguyễn Xuân K trình bày đã trả đầy đủ tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và trả lãi 600.000 đồng/ngày trong vòng 06 tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ; bà Võ Thị H không thừa nhận việc trả gốc, lãi như anh K trình bày, chỉ công nhận anh K đã trả được 125.000.000 đồng tiền nợ gốc. Trong giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 ghi nhận việc anh Nguyễn Xuân K nợ lại bà Võ Thị H số tiền 175.000.000 đồng, không thể hiện đây là tiền lãi của khoản vay 300.000.000 đồng và tiền hui. Ngày lập văn bản Giấy nhận nợ là “16/10/2017 DL” do chính anh K viết; anh K không có chứng cứ chứng minh anh đã bị đe dọa, cưỡng ép phải lập văn bản Giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 trái với ý chí cá nhân anh. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định Giấy nhận nợ ngày 16/10/2017 được lập trên cơ sở tự nguyện, đối tượng giao kết hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật đồng thời xác định số tiền 175.000.000 (Một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng là khoản tiền nợ gốc còn lại của khoản vay 300.000.000 đồng như bà H đã trình bày.

Tại phiên tòa bà Võ Thị H chỉ thừa nhận từ ngày 16/10/2017 đến thời điểm xét xử ngày 26/11/2018 anh Nguyễn Xuân K đã trả cho bà được 7.400.000 đồng. Xét anh Nguyễn Xuân K không cung cấp được chứng cứ thể hiện việc trả lãi trong giai đoạn này, ngoài lời khai của bà Võ Thị H không có chứng cứ nào khác nên chỉ có căn cứ chấp nhận anh Nguyễn Xuân K đã thanh toán cho bà Võ Thị H 7.400.000 đồng và khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc 175.000.000 đồng. Bản thân anh Nguyễn Xuân K tại biên bản hòa giải và biên bản hòa giải thành ngày 19/10/2018 đều công nhận còn nợ tiền bà Võ Thị H. Như vậy đến thời điểm xét xử ngày 26/11/2018 anh Nguyễn Xuân K có nghĩa vụ thanh toán cho bà Võ Thị H là 167.600.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Bà Võ Thị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Như vậy có cơ sở xác định, ông Nguyễn Xuân K nợ bà Võ Thị H 167.600.000 đồng, anh K đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên cần buộc anh K trả cho bà H 167.600.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Trong quá trình tham gia tố tụng anh Nguyễn Xuân K xin trả dần khoản nợ đã vay của bà Võ Thị H nhưng bà H không đồng ý. Yêu cầu của anh Nguyễn Xuân K không phù hợp quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của bà Võ Thị H được chấp nhận nên anh Nguyễn Xuân K phải chịu án phí

$167.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.380.000$ (Tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 4, 5; khoản 12 Điều 25; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điều 244, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 36 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H về việc yêu cầu anh Nguyễn Xuân K thanh toán tiền nợ.

Buộc anh Nguyễn Xuân K trả cho bà Võ Thị H 167.600.000 (Một trăm sáu mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Anh Nguyễn Xuân K phải chịu 8.380.000 (Tám triệu ba trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.375.000 (Bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0003996 ngày 22/8/2018 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố P.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Võ Thị H có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng anh Nguyễn Xuân K vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai
- Thi hành án dân sự thành phố P
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy

